

Bản án số: **54/2023/KDTM-PT**

Ngày: 24/3/2023

V/v tranh chấp nghĩa vụ thanh toán phát
sinh từ hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Tuyết Băng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Bà Lê Thúy Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:
Bà **Đinh Thị Tuyết Mai** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 25/2023/TLPT-KDTM ngày 04/01/2023, về việc “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXX-PTKT ngày 07/3/2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức.
Địa chỉ: KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc Sơn - Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Thu Hương, bà Đỗ Thị Thanh Nhân, ông Trần Việt Dũng. Địa chỉ: Tầng 25 tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
(Có mặt).

2. Bị đơn: Tổng công ty cơ khí xây dựng - CTCP. Địa chỉ: Số 125D Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Đức Thọ - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Lê Thế Thủy - Phó Tổng giám đốc

Ông Vũ Quang Hảo - Trưởng phòng Pháp chế

Ông Nguyễn Hữu Toàn - Giám đốc nhà máy Cơ khí Quang Minh - Chi nhánh Tổng công ty.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức do người đại**

diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 04/9/2003, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 3317/QĐ-UBND về việc thành lập Khu công nghiệp Quang Minh tại huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc và giao cho Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức (gọi tắt là Công ty Nam Đức) làm Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh.

Ngày 22/10/2004, UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 3742/2004/QĐ-UB thay thế Quyết định số 3317/QĐ-UBND với nội dung chi tiết hơn và vẫn giữ Chủ đầu tư là Công ty Nam Đức.

Ngày 05/11/2004, Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 3937/QĐ-CT chấp thuận mức phí sử dụng hạ tầng là 10 USD/m²/50 năm và mức phí quản lý khu công nghiệp là 0,1 USD/m²/năm. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05/11/2004.

Ngày 02/8/2010, Công ty Nam Đức và Tổng công ty Cơ khí Xây dựng – Công ty TNHH MTV (Nay là Tổng công ty cơ khí xây dựng –CTCP) đã ký Hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng số 68/HĐ-NĐ. Nội dung Công ty Nam Đức cho Tổng công ty Cơ khí Xây dựng – Công ty TNHH MTV (Nay là Tổng công ty cơ khí xây dựng –CTCP) thuê sử dụng cơ sở hạ tầng bao gồm hệ thống đường giao thông, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải trong khu công nghiệp Quang Minh. Tại điểm a Điều 2.1 Hợp đồng quy định tiền phí sử dụng hạ tầng là 475.200 USD và được thanh toán bằng VND theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vào ngày thanh toán tiền. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không công bố tỷ giá mua vào thì áp dụng theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Vietcombank. Tiến độ thanh toán phí sử dụng hạ tầng được chia làm 07 đợt, đợt cuối cùng chậm nhất là 30/6/2015.

Tại điều 2.2 Hợp đồng quy định tiền phí quản lý khu công nghiệp là 0,1 USD/m²/năm (chưa gồm VAT). Tiến độ thanh toán tiền phí quản lý khu công nghiệp được thanh toán hàng năm, mỗi năm là 5.280 USD, bắt đầu từ ngày 01/01/2010. Việc thanh toán được thực hiện từ ngày 01/01 đến 15/01 hàng năm.

Tại điều 2.5 Hợp đồng quy định tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn.

- Đối với tiền lãi trong hạn được áp dụng đối với tiền sử dụng cơ sở hạ tầng, tiền phí quản lý khu công nghiệp. Lãi suất trong hạn theo lãi suất cho vay ngoại tệ của Ngân hàng Vietcombank công bố tại thời điểm phát sinh khoản tiền Coma phải thanh toán cho Công ty Nam Đức. Tại Quyết định số 3937/QĐ-CT của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc cũng quy định mức tiền lãi trong hạn.

- Đối với tiền lãi quá hạn được áp dụng khi Coma không thanh toán tiền đúng theo thỏa thuận. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tuy nhiên, Tổng công ty Cơ khí Xây dựng – Công ty TNHH MTV (Nay là Tổng công ty cơ khí xây dựng –CTCP) mới chỉ thanh toán được cho Công ty Nam Đức 143.063,04 USD bao gồm cả tiền sử dụng cơ sở hạ tầng và tiền phí quản lý khu công nghiệp.

Công ty Nam Đức đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu Tổng công ty Cơ khí Xây dựng – Công ty TNHH MTV (Nay là Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP) thực hiện thanh toán theo hợp đồng đã ký kết nhưng Tổng công ty Cơ khí Xây dựng – Công ty TNHH MTV (Nay là Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP) đưa ra nhiều lý do để trì hoãn việc thanh toán.

Ngày 05/8/2022, Tổng công ty cơ khí xây dựng - CTCP đã thanh toán 50.000.000 đồng tiền phí quản lý khu công nghiệp năm 2022 tương đương 2.153 USD.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Nam Đức số tiền nợ gốc phí sử dụng cơ sở hạ tầng và phí quản lý khu công nghiệp là 358.536,96 USD quy đổi theo tỷ giá 1 USD = 21.673 đồng (theo Văn bản số 171/TB-NHNN ngày 10/6/2015) là 7.770571.534 đồng. Trong đó:

Tiền sử dụng cơ sở hạ tầng là 342.696,96 USD (đã bao gồm VAT)

Tiền phí quản lý khu công nghiệp (tính đến hết năm 2015) là 15.840 USD (đã bao gồm VAT).

- Buộc Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP phải thanh toán tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn.

- Yêu cầu bảo lưu tất cả quyền yêu cầu Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP bồi thường đối với các thiệt hại đã gây ra cho Công ty Nam Đức và Công ty Nam Đức cũng bảo lưu quyền yêu cầu Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP thanh toán các khoản tiền khác có liên quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện:

- Buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn (tạm tính đến ngày 26/9/2022) tổng số tiền 21.616.738.129 đồng trong đó:

+ Tiền nợ gốc 9.329.773.286 đồng gồm:

Nợ gốc phí sử dụng cơ sở hạ tầng là 342.696,96 USD (đã gồm VAT) tương đương 8.084.221.286 đồng (theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Vietcombank ngày 26/9/2022).

Nợ gốc phí quản lý khu công nghiệp từ năm 2013 đến hết năm 2022 là 1.245.552.000 đồng.

+ Tiền lãi 12.286.964.843 đồng gồm:

Tiền lãi phí sử dụng cơ sở hạ tầng là 11.491.342.160 đồng

Tiền lãi phí quản lý khu công nghiệp là 795.622.683 đồng.

- Bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi cho Nguyên đơn cho đến khi thanh toán hết các khoản tiền gốc, phí quản lý khu công nghiệp hàng năm.

*** Bị đơn Tổng Công ty Cơ khí xây dựng – CTCP (Viết tắt Coma) không có lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm.**

Tại bản án sơ thẩm số 19/2022/KDTM-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân

dân huyện Mê Linh đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức đối với bị đơn là Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP.

2. Buộc Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP phải có trách nhiệm thanh toán trả Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức số tiền thuê cơ sở hạ tầng và tiền phí quản lý khu công nghiệp cả gốc và lãi là 18.813.388.934 đồng. Cụ thể:

- Tiền thuê cơ sở hạ tầng gốc phải trả là 7.111.021.087 đồng; tiền lãi 9.800.293.848 đồng.

- Tiền phí quản lý khu công nghiệp gốc phải trả là 1.171.325.760 đồng; tiền lãi 730.748.240 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm ngày 06/10/2022 Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy án sơ thẩm ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. do đánh giá tài liệu, chứng cứ không khách quan và có vi phạm về tố tụng.

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng về thời hạn đưa vụ án ra xét xử cụ thể ngày 12/6/2015 Công ty Nam Đức có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện Mê Linh. Ngày 08/7/2015 Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội ra thông báo sơ 168/2015/TB-TLVA, nhưng đến ngày 23/6/2020 tức là sau 05 năm Tòa án Mê Linh mới gửi giấy báo cho Tổng công ty cơ khí xây dựng –CTCP đến Tòa để làm việc và ngày 15/8/2022 Tòa án Mê Linh mới có Quyết định đưa vụ án ra xét xử là không đúng với quy định của pháp luật.

Ngoài ra ngày 10/6/2022, bị đơn nhận được Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào 14 giờ ngày 28/6/2022 nhưng bị đơn vắng mặt lý do giấy báo của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh yêu cầu bị đơn đến Tòa án nhận Quyết định xét xử phải có giấy xác nhận xét nghiệm âm tính Covid 19 còn hiệu lực trong vòng 72h là không đúng quy định vào thời điểm đó. Tòa án cấp sơ thẩm có tổng đạt cho bị đơn Thông báo kết quả phiên họp về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/6/2022 nhưng nội dung khác với đơn khởi kiện ngày 12/6/2015 của Công ty Nam Đức do ban đầu số tiền nợ gốc, lãi phạt chậm trả được tính bằng USD nhưng trong thông báo kết quả phiên họp ngày 28/6/2022 lại tính bằng

Việt nam đồng là không đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng số 68 ngày 02/8/2010 do vi phạm quy định pháp luật ngoại hối tại Điều 22 Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH ngày 11/7/2013 về giao dịch ngoại hối và Thông tư 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013.

Tổng công ty Cơ khí xây dựng - Công ty TNHH MTV khi chuyển đổi thành công ty cổ phần ngày 08/01/2016 theo Quyết định số 2368 của Thủ tướng Chính phủ không có chuyển giao công nợ đối với Công ty Nam Đức. Công ty Nam Đức là bên cung cấp hàng hóa dịch vụ nhưng không xuất hóa đơn GTGT nên hệ thống sổ sách, kế toán của bị đơn không tồn tại khoản công nợ nào phải trả với Công ty Nam Đức.

Tại thời điểm ngày 28/02/2011, Công ty Nam Đức chưa hoàn thiện 100% cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh. Do sản phẩm dịch vụ cung ứng chưa được hoàn thiện nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả toàn bộ tiền dịch vụ là không có cơ sở.

Bản án sơ thẩm nhận định hợp đồng số 68 các bên thỏa thuận thanh toán bằng ngoại tệ nhưng tuyên buộc bị đơn phải trả gốc, lãi tính bằng Việt Nam đồng, mức lãi suất theo lãi suất quá hạn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam là mâu thuẫn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự trong vụ án chấp hành quyền, nghĩa vụ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn. Tuy nhiên Công ty Nam Đức đề nghị Tòa án buộc Tổng công ty Cơ khí xây dựng – CTCP phải thanh toán tổng số tiền gồm nợ gốc và lãi là: 21.616.738.129 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền nợ gốc và lãi là: 18.813.388.934 đồng. Do tỷ giá USD Công ty Nam Đức đề nghị không được cấp sơ thẩm chấp nhận, nhưng bản án sơ thẩm không tính án phí số tiền chênh lệch mà Công ty Nam Đức không được chấp nhận là thiếu sót, không đúng quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty cơ khí xây dựng-CTCP;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Nam Đức. Buộc Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP phải thanh toán cho Công ty Nam Đức tổng số tiền nợ gốc và lãi 18.813.388.934 đồng theo Hợp đồng số 68.

Sửa về án phí sơ thẩm: Công ty Nam Đức phải chịu 88.066.984 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP làm trong thời hạn luật định. Người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên việc kháng cáo là hợp lệ. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

Xét kháng cáo của Tổng công ty cơ khí xây dựng –CTCP cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng về thời hạn xét xử. Qua kiểm tra hồ sơ Hội đồng xét xử nhận thấy Ngày 08/7/2015 Tòa án nhân dân huyện Mê Linh đã ra thông báo số 168/2015/TB-TLVA thụ lý giải quyết vụ án, nhưng đến ngày 15/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Mê Linh mới có Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án này là 02 tháng. Tuy nhiên sau 08 năm Tòa án nhân dân huyện Mê Linh mới đưa vụ án ra xét xử là vi phạm về thời hạn xét xử theo luật định. Tòa án nhân dân huyện Mê Linh cần nghiêm túc rút kinh nghiệm về việc này.

Đối với yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP cho rằng quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt cho Công ty thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và yêu cầu Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP đến Tòa phải có giấy xác nhận xét nghiệm âm tính Covid 19 còn hiệu lực trong vòng 72h. Qua kiểm tra hồ sơ thể hiện ngày 10/6/2022 Tòa án nhân dân huyện Mê Linh ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đó ấn định thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào hồi 14h ngày 28/6/2022, cùng ngày Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ thông báo này cho các đương sự. Tại thời điểm đó toàn cộng đồng đã được tiêm phòng Covid 19 và tại thời điểm này dịch Covid 19 đã được khống chế, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu đương sự đến Tòa làm việc phải có giấy xác nhận âm tính với Covid 19 là không cần thiết, tuy nhiên bị đơn lấy lý do này để không đến Tòa là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và sau đó thông báo kết quả cho Bị đơn là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bị đơn đề nghị triệu tập các đơn vị liên quan là Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam, đại diện Bộ Xây dựng, Bộ tài chính để giải quyết vụ án toàn diện khách quan. Xét thấy các đơn vị này chỉ là các cơ quan xác định giá trị doanh nghiệp và là ban chỉ đạo và phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại thời điểm Tổng công ty cơ khí xây dựng – Công ty TNHH MTV cổ phần hóa. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét thấy các cơ quan này không phải là đương sự trong vụ án, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của Bị đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bị đơn còn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng khi giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn do tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán theo đồng đô la Mỹ, nhưng tại Thông báo

kết quả phiên họp về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/6/2022 yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn tính bằng Việt nam đồng. Xét thấy, Tại điểm a mục 2.1; 2.2 của hợp đồng số 68 /HĐ-ND quy định tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng sẽ được thanh toán bằng VND và quá trình thực hiện hợp đồng các bên cũng thanh toán cho nhau bằng VND. Do vậy, quá trình giải quyết Nguyên đơn đã quy đổi quy đổi ra VND là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 04/9/2003 và ngày 22/10/2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh phúc ban hành Quyết định số 3317/QĐ-UB, số 3742/2004/QĐ-UBND. Theo đó Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định thành lập khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc và giao cho Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh.

Ngày 05/11/2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định số 3937/QĐ-CT về việc chấp thuận mức thu phí sử dụng hạ tầng áp dụng cho các doanh nghiệp mà Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cho thuê đất trong khu công nghiệp Quang Minh là 10 USD/m²/50 năm. Mức thu phí sử dụng hạ tầng trên không bao gồm tiền đền bù, san lấp mặt bằng, tiền thuê đất thô theo quy định của UBND và phí quản lý công nghiệp là 0,1 USD/1m²/năm. Việc ban hành Quyết định số 3937/QĐ-CT ngày 05/11/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc là phù hợp với Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003, Nghị định số 36/CP ngày 22/4/1997 của Chính phủ về việc ban hành quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Khu công nghiệp là khu tập trung các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau nên Quyết định số 3937 được ban hành để điều chỉnh chung đối với tất cả các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Quang Minh khi sử dụng hạ tầng khu công nghiệp thì phải chi trả phí sử dụng hạ tầng và phí quản lý khu công nghiệp. Việc quy định các mức phí bằng ngoại tệ là để mang tính thống nhất chung, đảm bảo thuận tiện cho việc thanh toán. Tại Điều 2 Quyết định số 3937 đã quy định: "Các doanh nghiệp được UBND tỉnh Vĩnh Phúc trực tiếp cho thuê trong khu công nghiệp Quang Minh có trách nhiệm trả phí sử dụng hạ tầng, phí quản lý khu công nghiệp nói tại Điều 1 quyết định này cho Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Quang Minh (Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức). Như vậy các đối tượng chịu sự điều chỉnh của quyết định 3937 phải có nghĩa vụ bắt buộc thực hiện.

Ngày 27/9/2006, Tổng công ty cơ khí xây dựng – Công ty TNHH một thành viên (sau này chuyển đổi thành Tổng Công ty cơ khí xây dựng – CTCP) được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cho thuê 48.000 m² đất theo Quyết định giao đất số 109/QĐ-UBND ngày 17/5/2006 và Hợp đồng thuê đất số 825/HĐ-TĐ ngày 27/9/2006.

Ngày 02/8/2010, Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức và Tổng công ty cơ khí xây dựng – Công ty TNHH một thành viên (Nay là Tổng

công ty cơ khí xây dựng –CTCP) ký hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng số 68/HD-NĐ và ngày 25/10/2011 các bên ký phụ lục sửa đổi bổ sung một số nội dung của Hợp đồng số 68/HĐ-NĐ về việc điều chỉnh thông tin của Tổng công ty cơ khí xây dựng –CTCP. Theo đó Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức cho Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP thuê sử dụng cơ sở hạ tầng gồm đường giao thông, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải trong khu công nghiệp Quang Minh.

Điều 2 của Hợp đồng quy định Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP phải thanh toán trả cho Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức phí sử dụng hạ tầng được tính theo Quyết định số 3937/QĐ-UB ngày 015/11/2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc là 10 USD/m²/50 năm. Như vậy phí sử dụng cơ sở hạ tầng của Tổng Công ty cơ khí xây dựng –CTCP là: 48.000m² x 10 USD/m² x 45 năm/50 năm = 432.000 USD; Thuế giá trị gia tăng 10% là 43.200 USD. Tổng cộng là 475.200 USD.

Phương thức thanh toán các bên thỏa thuận, năm 2010 Tổng công ty cơ khí xây dựng CTCP thanh toán trả cho Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức 20% tổng số tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng là 95.040 USD, số tiền này được thanh toán làm hai lần , cụ thể:

+ Lần 1: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP thanh toán cho Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức số tiền 50.000 USD

+ Lần 2: Số tiền 45.040 USD Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP thanh toán trả cho Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức chậm nhất vào ngày 20/10/2010.

Số tiền còn lại 380.160 USD tương đương với 80% tổng số tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng và toàn bộ tiền lãi trả chậm Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP thanh toán cho Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức trong 5 năm tiếp theo, cụ thể:

Thời hạn thanh toán (Gốc + lãi)	Số tiền gốc (USD)	Tiền lãi chậm trả		
		Số dư tính lãi (USD)	Thời gian tính lãi	Mức Lãi suất
30/6/2011	76.032	345.600	Từ 7/7/2010 đến 30/6/2011	Lãi suất quy định tại Khoản 2.5 của Hợp đồng này
30/6/2012	76.032	276.480	Từ 01/7/2011 đến 30/6/2012	
30/6/2013	76.032	207.360	Từ 01/7/2012 đến 30/6/2013	
30/6/2014	76.032	138.240	Từ 01/7/2013 đến 30/6/2014	
30/6/2015	76.032	69.120	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015	

+ Phí quản lý khu công nghiệp

Mức phí quản lý khu công nghiệp theo Quyết định 3937/QĐ-UB ngày 05/11/2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc là 0,1USD/m²/năm (chưa bao gồm thuế

VAT). Phí quản lý KCN được thanh toán hàng năm, thời gian bắt đầu tính từ ngày 01/01/2010.

Như vậy, phí quản lý KCN trước thuế: $48.000\text{m}^2 \times 0,1\text{USD}/\text{m}^2 = 4.800\text{USD}$.

Thuế GTGT 10% = 480USD

Tổng cộng: 5.280USD (*Năm nghìn, hai trăm tám mươi đô la Mỹ*).

Phương thức thanh toán: Năm 2010, thanh toán số tiền 5.208USD trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Kể từ năm 2011, phí quản lý KCN được thanh toán trong thời gian từ ngày 01/01 đến ngày 15/01 hàng năm.

Điều 2.6 của hợp đồng quy định việc thanh toán được thực hiện bằng tiền Việt Nam đồng theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Vietcombank vào ngày thanh toán.

Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận về quyền hạn và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng nếu vi phạm hợp đồng.

Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP cho rằng Hợp đồng giữa hai bên ký kết quy định giá thanh toán bằng ngoại tệ là không đúng với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, trong hợp đồng các bên có thỏa thuận giá thanh toán bằng USD, nhưng cũng thỏa thuận về việc thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng và có quy định rõ việc quy đổi tỷ giá. Các bên đương sự đều xác nhận quá trình thực hiện hợp đồng Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP đã thanh toán trả cho Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức một phần tiền thuê cơ sở hạ tầng và tiền phí quản lý khu công nghiệp bằng tiền VND theo các giấy báo có của Ngân hàng Maritime Bank. Mặt khác, theo quy định tại điểm b, mục 3 phần I Nghị quyết số 04/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: "Nếu trong nội dung của hợp đồng kinh tế các bên có thỏa thuận giá cả, thanh toán bằng ngoại tệ trong khi đó một hoặc các bên không được phép thanh toán bằng ngoại tệ, nhưng sau đó các bên có thỏa thuận thanh toán bằng Đồng Việt Nam hoặc trong nội dung của hợp đồng kinh tế các bên thỏa thuận sử dụng ngoại tệ làm đồng tiền định giá (để bảo đảm ổn định giá trị của hợp đồng) nhưng việc thanh toán là bằng Đồng Việt Nam, thì hợp đồng kinh tế không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh HĐKT và do đó không bị coi là vô hiệu toàn bộ". Do đó có cơ sở xác định việc giao kết và thực hiện hợp đồng số 68/HĐ-ND giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 68/HĐ-ND ngày 02/8/2010 được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Quá trình thực hiện Hợp đồng Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP đã thanh toán trả cho Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức 04 lần tiền, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 28/9/2010, thanh toán 955.000.000 đồng tiền thuê cơ sở hạ tầng tương đương 50.000USD và 100.848.000 đồng tiền phí quản lý khu Công nghiệp năm 2010 tương đương 5.280 USD.

+ Lần 2: Ngày 31/12/2010, thanh toán 860.264.000 đồng tiền thuê cơ sở hạ tầng tương đương 45.040 USD

+ Lần 3: Ngày 24/4/2012, thanh toán 780.355.200 đồng tiền thuê cơ sở hạ tầng tương đương 37.463,04 USD và 219.964.800 đồng tiền phí quản lý khu công nghiệp năm 2011 và 2012 tương đương 10.560 USD.

+ Lần 4: Ngày 05/8/2022, thanh toán 50.000.000 đồng tiền phí quản lý khu công nghiệp năm 2022 tương đương 2.153 USD.

Tổng số tiền Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP đã thanh toán trả cho Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức là : 2.595.619.200 đồng, trong đó tiền thuê cơ sở hạ tầng là 2.916.432.000 đồng tương đương 132.503,04 USD và phí quản lý khu công nghiệp là 320.812.800 đồng tương đương 17.993 USD.

Tính đến ngày 27/9/2022 Tổng công ty cơ khí xây dựng –CTCP còn nợ Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức tiền thuê cơ sở hạ tầng và nợ gốc là : 342.696,96 USD tương đương 7.111.021.087 đồng và tiền phí quản lý khu công nghiệp là 1.171.325.760 đồng.

Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP cho rằng do Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức chưa xuất hóa đơn cho Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP nên không có căn cứ để thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy, trường hợp này Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức là bên xây dựng cơ sở hạ tầng cho thuê và thu tiền theo tiến độ được ghi trong Hợp đồng, điều này thể hiện nghĩa vụ thanh toán của Tổng công ty cơ khí xây dựng –CTCP đã được xác định trong Hợp đồng, do vậy nếu chưa thanh toán hết thì phải có nghĩa vụ thanh toán, chứ không phụ thuộc vào việc Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức có xuất hóa đơn hay không.

Mặt khác, theo quy định tại Điều 8 thông tư số 219/2013/TT-BTC về hướng dẫn thi hành về thuế giá trị gia tăng quy định: “ Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê là thời điểm thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng. Căn cứ số tiền thu được, cơ sở kinh doanh thực hiện khai thuế giá trị gia tăng đầu ra phát sinh trong kỳ”. Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP đối với số tiền mà Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP đã thanh toán cho Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức theo quy định.

Ngoài ra, Tổng Công ty cơ khí xây dựng –CTCP còn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc Tổng Công ty cơ khí xây dựng – CTCP phải thanh toán trả toàn bộ tiền dịch vụ là không có cơ sở vì sản phẩm dịch vụ chưa được hoàn thiện. Hội đồng xét xử xét thấy, tại điểm e Điều 2 báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra số 636/KH&ĐT/CN của tổ công tác liên ngành, Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội ngày 28/02/2011 nêu: “... Tổng số dự án thứ phát trong khu công nghiệp Quang Minh I là 126 dự án.

-Số dự án thứ phát đã được đảm bảo về cơ sở hạ tầng để hoạt động là 116 dự

án, trong đó có 75 dự án đã ký hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng với Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức, 41 dự án chưa ký hợp đồng...”.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay Tổng công ty cơ khí xây dựng –CTCP không xuất trình được các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này, cũng không nêu ra được hạng mục nào chưa được hoàn thành và xác nhận kể từ khi ký hợp đồng cho đến nay cũng không có bất kể văn bản nào yêu cầu Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức hoàn thành những hạng mục chưa hoàn thành.

Tổng công ty cơ khí xây dựng - CTCP còn cho rằng khi Tổng công ty cơ khí xây dựng – Công ty TNHH MTV cổ phần hóa thành Tổng Công ty cơ khí xây dựng – CTCP không chuyển giao bất kỳ khoản nợ nào của Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức cho Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP, nên Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP không kế thừa nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ Hợp đồng số 68 ngày 02/8/2010 giữa Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức và Tổng công ty cơ khí xây dựng- Công ty TNHH MTV. Xét thấy, ngày 23/12/2015 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 2368/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty cơ khí xây dựng – Công ty TNHH MTV thành Tổng công ty cơ khí xây dựng- CTCP. Đến ngày 08/01/2016 Tổng công ty cơ khí xây dựng – Công ty TNHH MTV được chuyển đổi thành Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP. Tuy nhiên vụ án này đã được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý từ tháng 7/2015 và tại thời điểm này Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt cho các đương sự thông báo thụ lý vụ án. Theo quy định tại khoản 4 Điều 196 Luật doanh nghiệp năm 2014 quy định: “ Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi“. Do đó Tổng công ty cơ khí xây dựng- CTCP phải kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của Tổng công ty cơ khí xây dựng – Công ty TNHH MTV.

Từ những căn cứ trên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức buộc Tổng công ty cơ khí xây dựng –CTCP phải thanh toán trả cho Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức số tiền thuê cơ sở hạ tầng và tiền phí quản lý khu Công nghiệp Quang Minh nợ gốc tiền thuê cơ sở hạ tầng là 7.111.021.087 đồng (đã bao gồm VAT) và nợ gốc phí quản lý khu công nghiệp là 1.171.325.760 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

***Về yêu cầu tính lãi: Hội đồng xét xử xét thấy**, tại khoản 2.5 Điều 2 Hợp đồng số 68 các bên có thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi quá hạn trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Theo đó, lãi suất trong hạn được xác định theo lãi suất cho vay ngoại tệ do ngân hàng Vietcombank công bố tại thời điểm phát sinh khoản tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chậm thanh toán. Việc các bên thỏa thuận lãi suất bằng ngoại tệ là không phù hợp với quy định của pháp luật, vì theo quy định tại Điều 22 pháp lệnh ngoại hối năm 2005 thì mọi giao dịch của hai Công ty này không được thực hiện bằng ngoại hối. Tuy nhiên, trong hợp đồng các

bên có thỏa thuận giá thanh toán bằng USD, nhưng cũng thỏa thuận về việc thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng và có quy định rõ việc quy đổi tỷ giá, quá trình thực hiện hợp đồng các bên đã thực hiện việc thanh toán phí quản lý khu công nghiệp và tiền thuê cơ sở hạ tầng cho nhau bằng VND.

Căn cứ Điều 306 Luật kinh doanh thương mại, Án lệ số 09/2016/AL thì mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank) là 14,75%/năm. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ đề nghị mức lãi suất chậm trả (lãi quá hạn) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 13,5%/năm. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên được ghi nhận. Đối chiếu bản tính lãi của Tòa án cấp sơ thẩm thấy việc tích lãi của cấp sơ thẩm phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm **chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn tiền lãi do chậm trả của số tiền thuê cơ sở hạ tầng và tiền phí quản lý khu công nghiệp là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể:**

+ Tiền lãi thuê cơ sở hạ tầng của số tiền nợ gốc 7.111.021.087 đồng tính từ ngày 21/10/2010 đến ngày 27/9/2022 là: 9.800.293.848 đồng;

+ Tiền lãi của số tiền phí quản lý khu công nghiệp của số tiền nợ gốc 1.171.325.760 đồng tính từ ngày 01/3/2013 đến ngày 27/9/2022 là: 730.748.240 đồng.

Tổng số tiền Tổng công ty cơ khí xây dựng –CTCP phải thanh toán trả cho Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức số tiền thuê cơ sở hạ tầng và tiền phí quản lý khu công nghiệp cả gốc và lãi là 18.813.388.934 đồng. Cụ thể:

- Tiền thuê cơ sở hạ tầng gốc phải trả là 7.111.021.087 đồng; tiền lãi 9.800.293.848 đồng.

- Tiền phí quản lý khu công nghiệp gốc phải trả là 1.171.325.760 đồng; tiền lãi 730.748.240 đồng.

Từ những phân tích trên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức đề nghị Tòa án buộc Tổng công ty cơ khí xây dựng - CTCP thanh toán tổng số tiền gồm nợ gốc và lãi là: 21.616.738.129 đồng ; Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền nợ gốc và lãi là: 18.813.388.934 đồng . Do tỷ giá USD Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức đề nghị không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, nhưng bản án sơ thẩm không tính án phí đối với số tiền chênh lệch mà Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức yêu cầu nhưng không được chấp nhận là thiếu sót, không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên là chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức ...; Về án phí: Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền 2.803.349.195 đồng do không được chấp nhận tương đương với mức án phí là 88.066.984 đồng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, nên được chấp nhận.

* Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên Tổng công ty cơ khí xây dựng – CPCT không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều khoản 2 Điều 74, Điều 86, Điều 87, 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 518, 519, 520 khoản 3 Điều 523, Điều 524 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Sửa bản án sơ thẩm sơ số 19/2022/KDTM-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức đối với Bị đơn là Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP.

2. Buộc Tổng công ty Cơ khí xây dựng - CTCP phải có trách nhiệm thanh toán trả Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức số tiền thuê cơ sở hạ tầng và tiền phí quản lý khu công nghiệp cả gốc và lãi là: 18.813.388.934 đồng. Cụ thể:

- Tiền thuê cơ sở hạ tầng gốc phải trả là 7.111.021.087 đồng; tiền lãi 9.800.293.848 đồng.

- Tiền phí quản lý khu công nghiệp gốc phải trả là 1.171.325.760 đồng; tiền lãi 730.748.240 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả.

Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức phải chịu 88.066.984 đồng án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại sơ thẩm, Công ty đã nộp 74.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003831 ngày 02/7/2015 của Chi cục thi hành án huyện Mê Linh, Hà Nội. Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức còn phải nộp 14.066.984 đồng.

Tổng công ty cơ khí xây dựng – CTCP phải nộp 126.813.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả Tổng công ty cơ khí xây dựng –CTCP 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm được trừ vào 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020668 ngày 7/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh, Hà Nội.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thùy Linh Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Ngô Tuyết Băng

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND huyện Mê Linh;
- Chi cục THADS huyện Mê Linh;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGÔ TUYẾT BĂNG.

